

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/12/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+P6+AMD	7:25	20+1+0	0+0+0		18+1+3	0+0+0	
2		TD5+TTC1	7:25	18+2	0+0		17+5	0+0	
3		TD5+P5+TD3	7:25	8+0+12	0+0+0		1+2+19	0+0+0	
4		VSP02+RP3+RP2	9:25	18+1+0	0+0+0		13+0+9	0+0+0	
5		P2+P4+BK21	9:25	6+13+1	0+0+0		2+18+1	0+0+0	
6		BK16+TD2+TD3	9:25	0+5+15	0+0+0		0+6+16	0+0+0	chuyen 1 bk16-td2
7		P3+PPD+CTK3	11:25	11+10+0	0+0+0		0+13+6	0+0+0	

TTĐBSX

TD5

22/12/20

Cơ sở vận hành tại

GEO SUPPORT - Sea House



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/12/2024		TO: PPD - P6 - AMD			AIRCRAFT: 410			ETD: 07:30		
FLIGHT: 01		FROM: VT			CREW: N.ANH - CHIẾN - THÀNH			ETA: 09:20		
XANH-1										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	GALLIAMOV I. M	PPD	60	1	7	7	130	68	KH-THAC	Russian
2	ĐỖ CHUNG KIẾN	PPD	55	1	3			60	KHI	Vietnamese
3	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	61	1	4			73	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC LÂM	PPD	48	1	6			73	KHI	Vietnamese
5	VÕ VĂN QUYỀN	PPD	57	1	4			69	KHI	Vietnamese
6	VŨ VĂN TRIỆU	PPD	53	1	7			79	KHI	Vietnamese
7	NGÔ SỸ THANH	PPD	52	1	6			90	KHI	Vietnamese
8	TRỊNH VĂN CƯỜNG	PPD	54	1	5			64	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH VIỆN	PPD	65-66	2	13			76	KHI	Vietnamese
10	OKOVANTSEV G.F	PPD	64	1	13			120	KHI	Russian
11	ĐỖ VĂN TUẤN	PPD	49	1	2			70	KHI	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	63	1	3			56	KHI	Vietnamese
13	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	62	1	5			76	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG BAO NGỌC	PPD	47	1	5			87	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG HIẾN	PPD	51	1	3			56	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN TẤT KHANH	PPD	56	1	7			68	KHI	Vietnamese
17	BUI NGỌC HUƠNG	PPD	59	1	7			65	KHI	Vietnamese
18	LÊ TRUNG LAN	PPD	46	1	4			83	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	50	1	2			75	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH TÚ	PPD	58	1	7			76	KHI	Vietnamese
21	QUÁCH THANH ĐỘ	P6	22-23	2	13			68	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	20	1.484	21	113	7	130	18		
2	P6	1	68	2	13	0	0	1		
3	AMD	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		21	1.552	23	126	7	130	22		
WEIGHT KG			1.552		126		130			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

lưu VSP



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/12/2024		TO: TD5 - TTC1			AIRCRAFT: 416			ETD: 07:40		
FLIGHT: 02		FROM: VT			CREW: ĐỨC - KHẢI - HTNAM			ETA: 09:30		
VANG-1										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	REZNIKOV V.S	TD5	48	1	9			96	D-HANH	Russian
2	STARZINSKY E.M	TD5	49	1	6			101	D-HANH	Russian
3	VŨ MẠNH THĂNG	TD5	38	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
4	ASKAROV DENIS	TD5	47	1	7			88	KHOAN	Russian
5	NGUYỄN TÂN TÀI	TD5	31	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
6	BAO NGUYỄN LỘC	TD5	37	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HOÀ	TD5	30	1	6			84	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC DỤC	TD5	41-42	2	11			65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN ĐAM	TD5	33	1	9			85	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG HAO	TD5	43	1	12			84	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN DŨNG	TD5	35-36	2	17			91	PVDWS	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN TƯỜNG	TD5	34	1	14			69	PVDWS	Vietnamese
13	VŨ LONG PHI	TD5	40	1	8			72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	44	1	11			79	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN XUÂN	TD5	32	1	5			63	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TỰ ĐỘ	TD5	39	1	9			67	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN VĂN THANH	TD5	45-46	2	13			57	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	29	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG VAN NGOC	TTC1	96-97	2	25			53	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ XUÂN TUNG	TTC1	94-95	2	23	3	50	78	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	18	1.381	21	159	0	0	17		
2	TTC1	2	131	4	48	3	50	5		
TOTAL		20	1.512	25	207	3	50	22		
WEIGHT KG			1.512		207		50			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/12/2024	TO: TD5 - P5 - TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: QVIỆT - SON - NNAM	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHUNG NGUYEN NGOC	TD5	200	1	4			93	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN ĐỨC THỊNH	TD5	95	1	9			80	KHOAN	Vietnamese
3	BUI ĐÌNH PHI	TD5	93	1	3	1	15	68	KHOAN	Vietnamese
4	SOTRIVEX IGOR	TD5	99	1	8			106	KHOAN	Russian
5	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	94	1	3			80	KHOAN	Vietnamese
6	MOHD BASRI BIN ABDUL HAMID	TD5	97-98	2	19			96	SCHLUMBE	Malaysian
7	ĐÌNH VĂN HOÀI	TD5	96	1	4			60	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN HAI	TD3	25	1	7			80	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG HOÀ	TD3	20	1	11			75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN NAM CUÔNG	TD3	14-15	2	11			84	KHOAN	Vietnamese
11	CHU VĂN THĂNG	TD3	23-24	2	15			69	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM HUNG DUONG	TD3	22	1	4			99	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN MẠNH HÙNG	TD3	16	1	4			74	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH HÙNG	TD3	21	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ANH	TD3	18	1	13	2	13	82	KHOAN	Vietnamese
16	LA THANH	TD3	13	1	5			81	YTE	Vietnamese
17	LÊ MẠNH THĂNG	TD3						73	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM DUƠNG HAI	TD3	19	1	10			63	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN PHI HÙNG	TD3	17	1	6			76	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	7	583	8	50	1	15	1		
2	P5	0	0	0	0	0	0	2		
3	TD3	12	924	13	89	2	13	19		
TOTAL		19	1.507	21	139	3	28	22		
WEIGHT KG			1.507		139		28			

GRAND TOAL: 1.674 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/12/2024	TO: VSP02 - RP3 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: N.ANH - CHIÊN - THÀNH	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HỒNG QUYẾT	VSP02	44,46	2	11	1	20	64	CODIEN	Vietnamese
2	DUBOV A.V.	RP3	73	1	8	4	70	95	KH-THAC	Russian
3	KHARITONOV YURY	RP3	74	1	8			77	KHI	Russian
4	PHẠM VĂN KÝ	RP3	86	1	5			63	KHI	Vietnamese
5	PHẠM QUỐC KHANH	RP3	79	1	4			84	KHI	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC HUNG	RP3	87	1	7			81	KHI	Vietnamese
7	VŨ MẠNH CUÔNG	RP3				2	26	71	KHI	Vietnamese
8	HOANG VĂN HAI	RP3	80	1	9			65	KHI	Vietnamese
9	LÊ XUÂN VIỆT	RP3	83	1	5			78	KHI	Vietnamese
10	PHẠM HOANG NGUYEN	RP3	78	1	5			68	KHI	Vietnamese
11	VŨ ĐÓN LONG	RP3	84	1	4			72	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG NAM	RP3	85	1	3			64	KHI	Vietnamese
13	ĐINH HOÀI ĐỨC	RP3						70	KHI	Vietnamese
14	HỒ TUẤN HUNG	RP3	89	1	4			81	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	90	1	4			66	KHI	Vietnamese
16	ĐOÀN VIỆT ĐIỆP	RP3	88	1	3			63	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC HIEN	RP3	75	1	12			78	DUY LINH	Vietnamese
18	TRẦN DUY PHƯƠNG	RP3	76-77	2	17			78	DUY LINH	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG HA	RP3	81	1	10	1	12	66	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP02	1	64	2	11	1	20	0		
2	RP3	18	1.320	17	108	7	108	13		
3	RP2	0	0	0	0	1	20	9		
TOTAL		19	1.384	19	119	9	148	22		
WEIGHT KG			1.384		119		148			

GRAND TOAL: 1.651 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/12/2024		TO: P2 - P4 - BK21			AIRCRAFT: 416			ETD: 10:00		
FLIGHT: 05		FROM: VT			CREW: ĐỨC - KHẢI - HTNAM			ETA: 11:50		
VANG-2										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LUU VAN CHIEN	P2	34	1	7	2	15	70	YTE	Vietnamese
2	FEDORCHENKO V.D.	P2	04-05	2	8			81	KH-THAC	Russian
3	LE QUY TOAN	P2	01	1	10			64	KH-THAC	Vietnamese
4	LE VAN LOI	P2	02-03	2	18			64	T-TIN	Vietnamese
5	TRANG CONG THIEN	P2	32-33	2	20			61	T-TIN	Vietnamese
6	LE MINH THANH	P2	30	1	8	1	23	78	T-TIN	Vietnamese
7	NGUYEN DINH HUAN	P2	37	1	8			49	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN LE HUY	P4	35	1	8	5	90	70	KHI	Vietnamese
9	PHAM QUOC DUY	P4	37	1	5			60	KHI	Vietnamese
10	TRAN VAN PHUC	P4	36	1	5			68	KHI	Vietnamese
11	LE VAN MANH	P4						56	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN HONG PHUC	P4	34	1	6			69	KHI	Vietnamese
13	OVCHARENKO ANDREI	P4	39	1	6			84	KHI	Russian
14	VITALY ZAGUDAEV	P4	42	1	5			77	KHI	Russian
15	TRAN XUAN TRUNG	P4	38	1	5			78	KHI	Vietnamese
16	VU DINH CUONG	P4	31	1	5			77	KHI	Vietnamese
17	TRAN VAN NAM	P4	40	1	3			71	KHI	Vietnamese
18	LE QUANG VINH	P4	32	1	6			67	KHI	Vietnamese
19	DOAN VAN TRUC	P4	41	1	6			66	KHI	Vietnamese
20	DUONG DINH HIEN	P4	33	1	5			67	KHI	Vietnamese
21	PHAM VAN HIEU	BK21	66	1	4			62	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	7	467	10	79	3	38	2		
2	P4	13	910	12	65	5	90	18		
3	BK21	1	62	1	4	0	0	1		
TOTAL		21	1.439	23	148	8	128	21		
WEIGHT KG			1.439		148		128			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/12/2024	TO: BK16 - TD2 - TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: KHOAN - N.CUONG - THU	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRAN QUANG PHU	BK16	68-69	2	9	1	19	61	DK	Vietnamese
2	MAI VAN BINH	TD2	32	1	9	1	24	62	XAYLAP	Vietnamese
3	LE TAT THANH	TD2	27	1	11	2	40	74	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN NGOC DUONG	TD2	86	1	11			65	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN HUU HOANG VIEN	TD2	30-31	2	11			52	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN QUY HIEU	TD2	28-29	2	7			77	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN SON HAI	TD3	01-02	2	9			84	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN KHAC MINH	TD3	04-05	2	13			90	KHOAN	Vietnamese
9	LE VAN NGHIA	TD3	08	1	8			65	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN QUANG HUNG	TD3	32	1	12			80	KHOAN	Vietnamese
11	SUSTAVOV V.S.	TD3	33	1	10			121	D-HANH	Russian
12	MULNIUCHKIN V.V	TD3	34	1	14			95	DVL	Russian
13	NGUYEN XUAN VINH	TD3	35	1	16			90	DVL	Vietnamese
14	LE VAN THANG	TD3	31	1	12			78	DVL	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HOI	TD3	70	1	12			66	DVL	Vietnamese
16	ĐANG VAN CHUNG	TD3	03	1	17			77	DVL	Vietnamese
17	ĐO XUAN CHINH	TD3	07	1	8			68	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN TAT LỘC	TD3	09	1	7			58	PSV	Vietnamese
19	PHAN CHINH QUY	TD3	06	1	6	3	50	71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK16	1	61	2	9	1	19	0	1	CHUYEN 1 PAX BK16-TD2
2	TD2	5	330	7	49	3	64	6		
3	TD3	13	1.043	15	144	3	50	16		
TOTAL		19	1.434	24	202	7	133	22		
WEIGHT KG			1.434		202		133			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/12/2024	TO: P3 - PPD - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: KHOÀN - N.CƯƠNG - THU	ETA: 14:05
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN VAN CUONG	P3	40-41	2	14			55	BIEN DONG	Vietnamese
2	NGUYEN CANH TOAN	P3	30	1	11			70	BIEN DONG	Vietnamese
3	ĐẶNG QUỐC PHONG	P3	36	1	7			70	BIEN DONG	Vietnamese
4	TRẦN VŨ CA	P3	32-33	2	10			69	BIEN DONG	Vietnamese
5	BUI VAN HA	P3	28-29	2	9			68	BIEN DONG	Vietnamese
6	NGUYEN HUU THANG	P3	37	1	8			75	BIEN DONG	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC QUÝ	P3	34-35	2	11			66	BIEN DONG	Vietnamese
8	NGUYEN BA THANG	P3	31	1	6			52	BIEN DONG	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC TUẤN	P3	39	1	9			75	BIEN DONG	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HAI	P3	42-43	2	13			62	BIEN DONG	Vietnamese
11	TRANG NGOC NAM	P3	38	1	13			70	BIEN DONG	Vietnamese
12	TRUONG HAI HA	PPD	29	1	6			69	KHI	Vietnamese
13	LE THANH TRUNG	PPD	32	1	6			65	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN THE HUNG	PPD	36-37	2	15			74	KHI	Vietnamese
15	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD						84	KHI	Vietnamese
16	LƯƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	30	1	8			60	KHI	Vietnamese
17	DƯƠNG TRƯỜNG LAM	PPD	31	1	7			65	KHI	Vietnamese
18	PHẠM CÔNG THO	PPD	38	1	1			61	KHI	Vietnamese
19	NGO QUANG NGHIA	PPD	27-28	2	11			74	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VAN NHAN	PPD	34-35	2	12			59	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN HUU AT	PPD	33	1	9			56	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P3	11	732	16	111	0	0	0		
2	PPD	10	667	12	75	0	0	12		
3	CTK3	0	0	0	0	4	70	6		
TOTAL		21	1.399	28	186	4	70	18		
WEIGHT KG			1.399		186		70			

GRAND TOAL: 1.655 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/12/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 22:20
FLIGHT: CAP CUU NGUOI	TO: TD5	CREW: LINH - N.ANH - THU	ETA: 00:15

ROUTE: VT - TD5 - VT

No.	PAXNAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
						PCS	KGS	W.T

SECTOR 1: VT - TD5

1	QUACH VAN THAO		BSY VSP	Vietnamese	037077011255		0	0	74
	PAX OUT	1		PAX IN	2	WT:	0	0	74
TOTAL		1							

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1	CANG VSP + THIEET BI Y TE	19	TD5	1	50

REMARK : THAO GHE CHO CANG VSP

PAX.WEIGHT	74
BAG.WEIGHT	0
CARGO WEIGHT	50
TOTAL	124

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

CONFIRMED BY HLO (Name \$ signature)

1. TOTAL OF PAX

2. FREIGHT \$ BAG:

FINISHED: 21:50

FUEL

SS: 22/12/2024